

Phẩm 13: SƠ PHÁT TÂM BỒ TÁT CÔNG ĐỨC

A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Bản giác huân tập từ bên trong, Đại tâm bắt đầu phát khởi, cho nên nói là Phát tâm; thành tựu công hạnh, thiết lập phần vị gọi là Bồ-tát; công vượt lên trên nhiều kiếp, đức rộng lớn như trần sa, cho nên nói là Công đức; đây là trình bày về công đức sơ phát tâm của Bồ-tát. Ở đây đã phân rõ bởi vì giản lược Nhị thừa cho nên nói là Bồ-tát, giản lược tâm cuối cùng cho nên nói là Sơ phát; đây là trình bày về công đức do phát tâm thâm nhiếp, không phải là phân rõ về tướng của phát tâm, cho nên lấy làm tên gọi của phẩm.

B. Ý đưa ra có ba:

1) Thập Trú và Phạm Hạnh trước đây trình bày về Thể của hành vị, nay hiển bày về đức thù thắng ấy cho nên đưa ra.

2) Cuối phẩm trước vào lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác, nhưng chưa biết tâm này có công đức gì mà có thể như vậy, vì thế đưa ra để giải thích về nghĩa này.

3) Hai phẩm trước đây dùng pháp dựa vào cơ mà nói khiến cho hành vị có phạm vi giới hạn, nay thì dùng cơ dựa vào pháp để hiển bày về đức lượng là không có giới hạn. Vì vậy hai phẩm trước gồm chung hai Giáo đồng-biệt, nay thì chỉ trình bày về Biệt giáo vốn là sự huyền diệu của Nhất thừa, về sau trong kệ dùng ngôn từ tuyệt vời để ca ngợi thuật lại, cho nên tiếp tục đưa ra.

C. TÔNG THÚ: Phân rõ về sơ phát tâm thâm nhiếp công đức của Phổ Hiền, đầy đủ phần lượng nhân quả sánh cùng pháp giới, là Tôn của phẩm này.

D. GIẢI THÍCH VĂN: Ở trong phẩm này có phần thuyết giảng là bốn phần: Một là Thỉnh, hai là Thuyết, ba là Chứng, bốn là Tụng.

Nay là phần Thuyết, trong đó có hai: Đầu là trường hàng nói phân tán, sau là kệ tụng thâm nhiếp toàn bộ.

Trong phần đầu cũng có hai: Trước là cõi này, sau là kết luận nối thông.

Trong phần trước cũng có hai: Một là chính thức thuyết giảng, hai là chứng minh thành tựu.

Trong phần một cũng có hai: Đầu là hỏi, sau là đáp.

Trong đáp có ba: Một- Tổng quát ca ngợi về rất sâu xa (thậm thâm) khiến cho sinh tâm mong mỏi; Hai- So sánh hiển bày về thù thắng làm sinh khởi niềm tin thanh tịnh (tịnh tín); Ba- Ngay nơi tướng phân rõ về sâu xa khiến cho phát sinh hiểu biết chính xác (Chánh giải).

Đầu trong phần thừa hỏi, Đế Thích thừa hỏi là ở cõi trời cho nên hiển bày về công đức tự tại, Pháp Tuệ thuyết giảng là Tuệ xứng với pháp thì mới cùng tận ranh giới của công đức.

Hai là trong phần thuyết giảng, có hai: Một- Ca ngợi về sâu xa khiến cho tin tưởng; Hai- Từ “Tuy nhiên...” trở xuống là chính thức thuyết giảng khiến cho hiểu biết. Lại giải thích trước là dấy khởi mong mỏi của họ, sau là chính thức trao cho lý pháp. Lại giải thích trước là hiển bày về Thể rất sâu xa, sau là trình bày về Dụng rộng lớn. Lại giải thích trước là hiển bày về Nghĩa rất sâu xa, sau là hiển bày về Giáo rất rộng lớn.

Trong phần trước, câu đầu là tổng quát, sáu câu là riêng biệt: 1) Tự mình không có thể biết được; 2) Người khác nghe không tin được; 3) Tư duy không hiểu được; 4) Nói ra không sáng tỏ; 5) Tu tuệ không có thể thông suốt; 6) Trí do báo sinh ra không có thể phân biệt, bởi vì rất sâu xa.

Lại giải thích: 1) Giáo lượng khó biết; 2) Nghĩa sâu khó tin; 3) Tư duy khó hiểu; 4) Ứng giáo khó nói; 5) Muốn chứng khó thông; 6) Kể ra cùng tận cho nên khó phân biệt.

Thứ hai là trong phần so sánh hiển bày về thù thắng, toàn bộ có 11 đoạn so sánh: 1) Dựa theo dụ để so sánh về lợi ích chúng sinh; 2) Dựa theo dụ để so sánh về bước đi và quốc độ; 3) Dụ về tính kiếp thành hoại; 4) Dụ về khéo léo nhận biết đục lạt; 5) Dụ về khéo léo nhận biết các căn; 6) Dụ về khéo léo nhận biết hy vọng; 7) Dụ về khéo léo nhận biết phương tiện; 8) Dụ về khéo léo nhận biết tâm ý người khác; 9) Dụ về khéo léo nhận biết tướng của nghiệp; 10) Dụ về khéo léo nhận biết phiền não; 11) Dụ về công đức cúng dường Phật. Trong luận thâm nhiếp làm thành sáu: Ba loại đầu là ba, năm loại tiếp là một, hai loại tiếp là một, một loại sau là một, cho nên làm thành sáu. Giải thích có ba môn: Một-Đối với sáu thậm thâm trước đây; hai-Dựa theo tâm Bồ-đề tương tự của Bồ-tát; ba-Dựa theo đối trị sáu chướng.

Trong Dụ một có hai: Trước là so sánh để hiển bày về thù thắng, sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích nguyên cơ về thù thắng.

Trong phần trước có mười lớp làm thành hai: Đầu là một lớp nói riêng biệt, sau là chín lớp nói gồm chung.

Trong lớp đầu có bốn: Một-Nêu ra sự rộng rãi; hai-Chính thức nêu ra hỏi; ba-Đáp để hiển bày về rộng rãi; bốn-Phân rõ về vượt lên trên.

Trong phần một cũng có bốn rộng rãi: 1) Đã cúng dường rộng rãi đó là Tăng-kỳ chúng sinh...; 2) Sự cúng dường rộng rãi đó là tất cả vật

dụng ưa thích; 3- Thời gian cúng dường rộng rãi đó là một kiếp...; 4- Lợi ích rộng rãi khiến cho tu năm giới...

Trong chín lớp sau cũng có bốn: 1) Cùng nêu ra chín sự, trong đó cũng có đủ bốn rộng rãi, dựa theo phần một thì biết, chỉ tăng thêm nhiều... là khác; 2) Hỏi; 3) Đáp; 4) Vượt lên trên; đều có thể biết mà thôi.

Trong phần hai là giải thích hiển bày về thù thắng có hai: 1) Nguyên cốt thế nào là chính thức nêu ra vấn đề, nêu ra vấn đề có hai ý: Một là nói rằng như trước đã nói công đức rất nhiều, vì sao so với đây mà không phải là tương tự; vì vậy giải thích rằng Bồ-tát mới phát tâm không vì phạm vi giới hạn bấy nhiêu... cho nên không phải là so sánh. Hai là nói rằng sơ tâm của Bồ-tát có công đức thù thắng gì mà vượt lên trên phần vị trước; giải thích rằng bởi vì đều mong muốn không đoạn mất chủng tử Phật..., cho nên vượt qua trước. Các văn sau đều dựa theo đây. 2) Từ “Phật tử...” trở xuống là giải thích về thành tựu.

Trong giải thích về thành tựu có hai: Một là trình bày không bởi vì sự có phạm vi giới hạn mà phát tâm, hiển bày về bốn rộng rãi trước đây không phải là rộng rãi; hai từ “Dục bất đoạn Phật chủng...” trở xuống là trình bày bởi vì sự không có phạm vi giới hạn mà phát tâm, cho nên hiển bày phần vị này vượt lên trên phần vị kia.

Trong phần này có mười hai câu: Một câu đầu vượt qua phần vị là tổng quát, bởi vì tâm Bồ-đề là chủng tử Phật mà Bồ-tát luôn luôn phát khởi gọi là không đoạn mất; lại Bồ-tát giáo hóa chúng sinh tồn tại trong chủng tử Như Lai, không khiến cho chọn lấy quả nhỏ bé cũng gọi là không đoạn mất, không giống như năm giới trước đây. Những câu còn lại là riêng biệt: 1) Tâm vượt qua, dựa theo sau nên nói là muốn dùng tâm Từ Bi làm cho tràn đầy mười phương thế giới, vượt qua mười Tăng-kì thế giới... trước đây. 2) Hạnh vượt qua, đó là muốn hóa độ tất cả chúng sinh, vượt qua phạm vi giới hạn trước đây, cho nên nói là tất cả. 3) Biết vượt qua tướng của Khí thể giới thành-hoại, là biết nơi chốn mà mình giáo hóa, đó là biết thành-hoại sai biệt; lại biết thành tức là hoại..., là Nhất thiết trí của Phật, cho nên rộng rãi. 4) Biết chủng loại quả báo cấu-tĩnh của chúng sinh trong Khí thể giới, đều do nghiệp khác nhau, tức là trí về nghiệp lực. 5) Biết Thể của Khí thể giới trước đây vốn thanh tịnh, là trí như lý. 6) Biết về Sinh-Sử-Tập thô tế của chúng sinh đã giáo hóa, là trí lậu tận, đó là biết ngay nơi Không ấy cũng tức là trở thành chướng ngại... 7) Sinh tử trí thông này tức là Thiên nhãn lực. 8) Căn lực trí. 9) Tha tâm trí. 10) Tam đạt trí này cũng có Túc mạng trí.

11) Cũng là trí như lý.

Lại trong 11 loại này, hai loại đầu là Đại Bi, chín loại còn lại là Đại Trí; trong trí thì loại thứ năm và mười một là Nhất thiết trí của Phật địa, còn lại là Nhất thiết chủng trí, bởi vì hoàn toàn không có phạm vi giới hạn cho nên vượt lên trên.

Trong Dụ hai là so sánh về bước đi và quốc độ cũng có hai: Trước trình bày về ví dụ vốn không kịp được, sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích hiển bày về tướng thù thắng.

Trong phần trước, tướng của dụ có 100 lớp, mười lớp đầu nói riêng biệt, còn lại là nói tổng quát.

Trong giải thích có hai: Trước là nêu ra vấn đề, sau là giải thích thành tựu.

Trong giải thích thành tựu cũng có hai: Trước trình bày về không bởi vì sự có phạm vi giới hạn để hiển bày không kịp được trước đây, sau từ “Tất vi...” trở xuống là trình bày về không có phạm vi giới hạn để hiển bày phần vị này vượt qua phần vị trước.

Trong phần này cũng có 12 câu: Hai câu đầu dựa theo Bi tâm, đầu là tổng quát nêu ra, sau là giải thích riêng biệt, đó là muốn giúp để vượt qua mà đạt được quả cho nên nói là Vì; mười câu tiếp dựa theo Trí, bởi vì thành tựu trí tự tại, trong đó một câu đầu là tổng quát nhận biết, tám câu tiếp là hiển bày riêng biệt, một câu sau cuối là kết luận về ý. Lại một câu đầu là nhận biết rộng rãi khắp tất cả mọi nơi, tám câu tiếp là nhận biết lớp lớp liên tiến vào vô ngại.

Trong này: 1) Đại và Tiểu ngay trong nhau; 2) Nhiều và ít ngay trong nhau; 3) Rộng và hẹp; 4) Một và nhiều; 5) Hòa vào nhau; 6) Nhiễm và tịnh; 7) Trùng trùng Đế vông; 8) Sinh khởi lẫn nhau.

Trong tám loại này có hai nghĩa, là ngay trong nhau-hòa vào nhau (tương tức-tương nhập); hai loại này đều có hai, đó là đồng thể-dị thể; hai loại này lại có hai nghĩa, có thể thành tựu hòa vào trong nhau: Một-Dựa theo Duyên khởi môn; hai-Dựa theo Chân tánh môn.

Trong môn đầu cũng có hai nghĩa: 1) Dựa theo Thể, có nghĩa về Không-Hữu cho nên có thể ngay trong nhau; hai-Dựa theo Dụng, có nghĩa về có lực-không có lực cho nên có thể hòa vào nhau. Dựa theo Duyên, có nghĩa đợi chờ-không đợi chờ, cho nên có hai môn đồng-dị. Dựa theo Tánh cũng có hai nghĩa: 1-Không hoại duyên cho nên hòa vào nhau; 2) Tướng của duyên không còn cho nên ngay trong nhau, đều là nghĩa về viên dung vô ngại tự tại, dựa theo trên suy nghĩ về điều này.

Trong Dụ ba là so sánh về tính số kiếp, trong này cũng có hai: Đầu

là trình bày về ví dụ vốn không có thể kịp được, sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống giải thích về tướng vượt lên trên.

Trong phần đầu cũng có hai: Một là phân rõ về dụ rộng lớn, hai là so sánh để hiển bày về vượt lên trên.

Trong phần một: Đầu là phân rõ về Đông phương có mười lớp tăng lên gấp bội có thể biết, sau là tương tự kết luận về chín phương cũng đều có mười.

Hai là trong giải thích, trước là nêu ra-sau là giải thích.

Trong giải thích có hai: Đầu là không bởi vì nhận biết phạm vi giới hạn như vậy..., cho nên vượt qua trước; sau từ “Bồ-tát dục tất liễu tri...” trở xuống là trình bày bởi vì nhận biết về sự không có phạm vi giới hạn, cho nên không thể ví dụ.

Trong phần này có mười câu: Một câu đầu là nhận biết tổng quát; tám câu tiếp là nhận biết riêng biệt. Sao nói là phân biệt nhận biết? Đó là như vậy hòa vào trong nhau trùng trùng thâm nhiếp nhau tự tại vô ngại, như vậy nhận biết mà thôi. Cũng có thể đầu là bình thường khắp nơi mà nhận biết, sau là trùng trùng hòa vào trong nhau vô ngại mà nhận biết hiển bày về tướng thuần thực. Trong tám câu này:

1) Dài và ngắn ngay trong nhau, dài là Đại kiếp-ngắn là Tiểu kiếp, lại thế giới Ta-bà là kiếp ngắn, thế giới An Lạc... là kiếp dài, ngay trong nhau cho nên vô ngại.

2) Một và nhiều ngay trong nhau.

3) Dựa theo có và không có Phật, như Trang Nghiêm kiếp và Hiền kiếp... là kiếp có Phật, như vượt qua Tinh Tú kiếp về sau có sáu vạn hai ngàn kiếp đi qua trống trải không có Phật, bởi vì hai kiếp này ngay trong nhau.

4) Dựa theo Phật nhiều và ít, như trong Tinh Tú kiếp có tám vạn Đức Phật xuất thế, là vô lượng Đức Phật trong một kiếp, như lúc Đức Phật Đại Thông Trí Thắng xuất thế, Phạm Vương ca ngợi rằng: Có lúc ngàn kiếp... đi qua trống trải không có Phật, nay mới được thấy một Đức Phật Đại Thông, cũng ngay trong nhau cho nên nói vậy.

5) Khác và không khác, là thuần-tạp vô ngại, hoặc quá khứ-vị lai gọi là khác, hiện tại gọi là không khác, quá khứ-vị lai tiến vào hiện tại, hiện tại tiến vào quá khứ-vị lai cho nên nói vậy.

6) Hết và không hết, là còn-mất vô ngại, như trời-người thấy kiếp không còn, quốc độ này thường an ổn...

7) Một niệm tức là vô lượng kiếp, bởi vì tích lũy nhiều niệm trở thành kiếp, không có Thể của kiếp riêng biệt cho nên tức là niệm.

8) Có và không có hòa vào nhau, là suy ra vọng trở về chân, kiếp hòa vào không có kiếp, dựa vào chân khởi lên vọng, không có kiếp hòa vào kiếp; lại đầu là lấy sự theo lý, sau là lấy lý theo sự, cho nên vô ngại.

Trong kết luận, đầu là tổng quát kết luận về điều đã nhận biết, sau là kết luận về bốn thế ấy, vì thế công đức giống như quả Phật, cho nên không thể nói được.

Trong Dụ bốn là so sánh về nhận biết dục lạc của chúng sinh, cũng có hai: Trước là trình bày về ví dụ vốn không có thể kịp được, mười phương đều có mười lớp tăng lên gấp bội có thể biết; sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về vượt lên trên.

Trong đó đầu là nêu ra nguyên cơ thù thắng, sau là giải thích nguyên cơ thù thắng.

Trong này, trước không bởi vì phạm vi giới hạn... là trình bày về trước đây không kịp được lúc này, sau từ “Dục tất tri...” trở xuống là trình bày về tướng vượt qua trước.

Trong phần này: Một câu đầu là tổng quát, đó là dùng trí lực của Như Lai nhận biết dục lạc của tất cả chúng sinh, nhận biết đối với biển dục lạc của chúng sinh, cho nên nói là đủ loại dục lạc. Sau trong phần hiển bày riêng biệt có hai: Đầu là dựa theo pháp nhận biết riêng biệt, sau từ “Nhất nhất chúng sinh...” trở xuống là dựa theo con người nhận biết tất cả.

Luận nói rằng trước là nhận biết tất cả, sau gọi là nhận biết vi tế cũng được. Trước là tướng khác nhau, sau là tướng giống nhau. Trong phần trước có 23 câu:

1) Dựa theo tâm mong cầu của chúng sinh, riêng biệt gọi là vô lượng ham muốn (dục), cùng mong mỗi một quả thì gọi là một ham muốn, tuy cùng mong mỗi một quả, nhưng mong cầu thực hành luôn luôn sai khác, cho nên nói là không hủy hoại tánh của tất cả các ham muốn. Lại bởi vì niệm của hy vọng không hai, cùng là trong cảnh sai khác do nhiều ham muốn thâm nhiếp, tâm-pháp không khác nhau cho nên nói tức là một, mà do vui thích sai biệt cho nên nói là không hủy hoại. Đây là dựa theo tâm của một chúng sinh, dục lạc trước sau nhiều loại nhưng ngay trong nhau vô ngại mà thôi.

2) Chỉ ra dục lạc nhiều loại sâu rộng như biển.

3) Chúng sinh khác loại, biển tâm dục lạc duyên khởi vô ngại vốn là ngay trong nhau; lại biết thiện ác vô ký của một chúng sinh, tất cả chúng sinh cũng như vậy, cho nên nói vậy.

4) Ở trong một chúng sanh tùy theo ba đời, dục lạc trước sau đủ loại mà biết, mỗi một chúng sinh thấy đều như vậy, cho nên nói là tất cả như nhau.

5) Trong đó chủng loại giống nhau thì gọi là tương tự, những vui thích khác nhau thì gọi là không tương tự.

6) Dựa theo Tam thừa thì ham muốn sai khác gọi là tất cả, cùng quy về Nhất thừa thì gọi là chỉ một ham muốn, thật ra thì Nhất thừa gọi là một ham muốn, quyền biến tách ra Tam thừa gọi là tất cả các ham muốn. Lại dựa theo duyên khởi vô ngại, gồm chung các phần vị Tự-Tha..., có thể biết.

7) Cùng quả trí của Phật, vốn là trí lực về dục là trong mười Lục.

8) Cầu mong Tam thừa... gọi là có ham muốn bậc Thượng, cầu mong Nhất thừa gọi là ham muốn Vô thượng.

9) Đối với nơi đã mong cầu, nếu như đến cuối cùng thì gọi là ham muốn Vô dư, trái lại với trước thì gọi là Hữu dư.

10) Cầu lý gọi là như nhau, cầu sự gọi là không như nhau.

11) Nhờ vào tâm sở khác thì có chỗ dựa, một mình khởi lên nhiều ham muốn gọi là không có chỗ dựa; lại dựa vào cảnh khởi lên ham muốn gọi là có nương tựa, nhận biết cảnh chỉ là tâm, tâm khởi lên không có nhờ cậy gọi là không có nương tựa.

12) Mong cầu giống nhau gọi là chung, mong cầu khác nhau gọi là không chung.

13) Ham muốn còn ở phần vị của nhân gọi là Hữu biên, đến phần vị của Phật quả gọi là Vô biên, bởi vì hoặc chướng phiền não không còn.

14) Thuận với lý gọi là ham muốn thiện, trái với lý gọi là ham muốn bất thiện.

15) Tùy theo lưu chuyển gọi là Thế gian, ngược với lưu chuyển gọi là Xuất thế gian.

16) Mong cầu Trí đức của Phật gọi ham muốn thuộc Đại Trí.

17) Mong cầu Đoạn đức của Phật gọi là ham muốn thanh tịnh.

18) Vượt qua phần vị phàm phu-Tiểu thừa gọi là ham muốn thù thắng.

19) Mong cầu thành tựu các địa Bồ-tát là ham muốn chứng trí Bát-nhã. Lại trong luận giải thích: Ham muốn Đại Trí ở phần vị chủng tánh, ham muốn thanh tịnh là phần vị Kiến đạo, thù thắng là phần vị Tu đạo, Vô ngại trí là phần vị không có công dụng từ Địa thứ tám trở lên.

20) Ở phần vị của Phật quả, Đại Trí vô ngại viên minh giải thoát.

21) Nhiễm mà không nhiễm gọi là ham muốn thanh tịnh, không nhiễm mà nhiễm gọi là không thanh tịnh; lại nếu lìa xa danh lợi của thế gian thì gọi là thanh tịnh, mong cầu danh lợi của thế gian thì gọi không thanh tịnh.

22) Nhiều mong cầu gọi là rộng, ít mong cầu gọi là hẹp; lại Đại Bi cứu giúp chúng sinh gọi là rộng, chuyên cầu tự mình giải thoát gọi là hẹp.

23-Mong cầu sâu xa gọi là vi tế, mong cầu cạn cợt gọi là thô thiển.

Trong phần sau là dựa theo con người phân rõ về tướng giống nhau của ham muốn, đầu là đưa ra mười số nêu ra tên gọi có tám, đây là giảm số mười:

1) Bởi vì nổi khổ sinh tử bức bách cho nên mong muốn vui với Niết-bàn, nghĩa là bởi vì khổ mà nghĩ đến vui, như ở trong tù mong cầu thoát ra.

2) Ở trong sự việc thiện ác, nhờ nghe rồi tư duy mà sinh khởi dục lạc, cho nên gọi là ham muốn phương tiện.

3) Đối với sự việc vừa ý mong cầu gọi là ham muốn hy vọng.

4) Đạt được rồi không rời bỏ gọi là ham muốn vướng vào ý vị.

5) Do chủng tử của nhân vốn có sinh ra gọi là tùy theo nhân sinh ra; lại từ Tư và Tưởng sinh ra, kinh nói: “Ham muốn-ham muốn nhận biết nguồn gốc của ông chỉ từ Tư và Tưởng sinh ra, nay ta không nghĩ đến ông, ông cũng không có thể sinh ra.”

6) Bên ngoài dựa vào cảnh sinh ra gọi là tùy duyên sinh, lại vì thiện ác thay đổi trái ngược dẫn dắt sinh ra cũng gọi là tùy duyên sinh.

7) Không có pháp nào không cầu gọi là ham muốn tất cả, lại cầu Niết-bàn diệt hết tất cả cũng gọi là ham muốn tất cả.

8) Mở rộng mong cầu các pháp gọi là ham muốn tất cả, lại mong cầu Vô biên Bồ-đề cũng gọi là ham muốn tất cả.

Trong phần sau là tổng quát kết luận, mạng lưới ham muốn (dục vọng) có ba nghĩa: 1) Nghĩa về khó thoát ra, như lưới giăng của thế gian thì cá chim khó thoát khỏi, do đủ loại lưới giăng của ham muốn mà sinh tử khó thoát ra. Đây là dựa theo nhiễm dục. 2) Nghĩa về gạn lọc, như lưới gạn lọc ở thế gian, nghĩa là khởi lên ham muốn thanh tịnh lọc lấy các hữu tình, khiến cho ra khỏi biển khổ sinh tử. Văn sau nói: Bạc Pháp Vương trí tuệ đã nói ham muốn là nguồn gốc của các pháp, nên dứt khởi ham muốn thanh tịnh quyết chí mong cầu Vô thượng đạo. Đây là dựa theo tịnh dục. 3) Nghĩa về chiếu rọi kín đáo, như lưới giăng của Đế

Thích sai biệt, các ham muốn nhiễm-tịnh đan xen qua lại, trùng trùng vô ngại hòa vào nhau cho nên nói là lưới giăng. Đây là dựa theo Thể của ham muốn.

Trong Dụ năm là so sánh về nhận biết các căn dựa theo ví dụ, cũng thuận theo hiển bày đầy đủ bởi vì chủng loại giống nhau, cho nên trong văn sơ lược phân rõ, là mong cầu đủ loại trí lực về các căn trong mười Lực của Như Lai.

Trong Dụ sáu hy vọng và dục trước đây khác nhau thế nào? Gồm chung tức là một. Trong đó có phân biệt, dục dựa vào bắt đầu cho nên nói trước căn, hy vọng dựa vào cuối cùng cho nên nói sau căn.

Trong Dụ bảy về nhận biết phương tiện, tạo ra duyên đầy khởi hạnh gọi là phương tiện, là phương tiện phát nghiệp cho nên không giống như nghiệp.

Trong Dụ tám về nhận biết tâm ý, bởi vì câu Tha tâm trí của Như Lai, trước đây trình bày về pháp của tâm, ở đây phân rõ về Thể của tâm.

Trong Dụ chín về nhận biết tướng của nghiệp, là cầu trí lực về nghiệp trong mười Lực của Phật. Năm môn trên đây đều tóm lược nêu ra, tương tự dục môn ở trên, nên biết!

Trong Dụ mười là so sánh về khéo léo nhận biết phiền não, có hai: Trước là trình bày về ví dụ vốn không có thể kịp được, sau là giải thích hiển bày về tướng thù thắng.

Trong tướng thù thắng: Trước là nêu ra, sau là giải thích.

Trong giải thích: Trước là không bởi vì nhận biết phạm vi giới hạn cho nên hiển bày ở đây vượt qua trước, sau từ “Tất dục phân biệt...” trở xuống là trí lực Lưu tận không có phạm vi giới hạn cho nên trình bày trước đây vốn không kịp được.

Trong này, câu đầu là tổng quát, từ “Sở vị...” trở xuống là hiển bày riêng biệt, có mười tám câu, sơ lược đưa ra mười môn phân biệt:

1) Hai câu đầu dựa theo nặng nhẹ phân biệt, đó là tâm hơi hợt khởi lên gọi là phiền não nhẹ, tâm sâu nặng khởi lên gọi là phiền não nặng. Lại vì tế khởi lên dễ ngăn chặn gọi là nhẹ, thô thiển khởi lên khó chấm dứt gọi là nặng. Lại chánh sử là nặng, tập khí sót lại là nhẹ. Lại căn bản phiền não là nặng, tùy phiền não là nhẹ. Lại trong tùy phiền não thì Tiểu tùy là nhẹ, Thượng-Trung tùy là nặng có thể biết.

2) Có hai câu, dựa theo Sử-Tiền phân biệt. Sử gọi là mười Sử, tức là năm Kiến và Nghi-Tham-Sân-Si-Mạn. Tiền gọi là mười Tiền, tức là Vô tà-Vô quý-Thụy-Hối-Kiên-Tật-Trạo-Hôn-Phẫn và Phú. Luận

Địa Trì và Du Già nói là tám Triền trừ ra Phẫn và Phú, vì sao trừ ra? Bởi vì có Luận sư nói: “Phẫn và Phú là tánh của Sữ, nghĩa là Phẫn là tánh của Sữ thuộc Sân, Phú là tánh của Sữ thuộc Tham, vì ham lợi của người khác mà che giấu lỗi lầm của mình.” Sữ và Triền khác nhau thế nào? Luận Tạp Tâm nói: “Căn bản gọi là Sữ, tất cả dịch thể trong thân gọi là Triền cấu, ràng buộc nặng gọi là Triền, ràng buộc nhẹ gọi là Cấu. Lại trong này Kiết tức là chín Kiết, có thể biết.

3) Có hai câu, dựa theo nhân quả phân biệt, vô lượng phiền não của mỗi một chúng sinh là quả đã đầy khởi do tham-sân-si..., phiền não giác quán là phiền não làm nhân mà sinh ra quả ấy. Kinh Niết Bàn nói có tám loại giác quán, cho nên nói là đủ loại: 1) Dục giác là mong cầu sự việc vừa ý; 2) Sân giác là nghĩ đến người khác muốn nổi giận; 3) Não giác là nghĩ đến người khác muốn làm hại; 4) Thân lý giác là nhớ nghĩ về duyên gần gũi; 5) Quốc độ giác là nghĩ đến sự an nguy của thế gian; 6) Bất tử giác là tích lũy tài sản để nuôi sống; 7) Tộc tánh giác là nghĩ đến dòng họ cao thấp; 8) Khinh vũ giác là kiêu mạn nghĩ đến cậy thế ức hiếp người.

4) Có hai câu, dựa theo gốc ngọn phân biệt, cũng là phân biệt về Si-Ái, nghĩa là Vô minh là Vô minh trú địa, dựa vào Vô minh khởi lên là hằng sa phiền não bậc Thượng; Ái là Dục-Sắc có ba Ái, là Hữu ái trú địa, tương ứng là phiền não tương ứng với Ái, gọi là bởi vì Ái mà sinh ra Ưu...

5) Có bốn câu, dựa theo ba căn bất thiện phân biệt, có thể biết.

6) Có hai câu, địa-khởi phân biệt, câu đầu là năm trú khởi, câu sau là năm trú địa.

7) Dựa theo lợi-độn phân biệt, Ngã-Ngã sở là lợi, Mạn là độn.

8) Dựa theo thứ tự sinh ra nhau phân biệt, tà niệm hư vọng là ba điên đảo thuộc Tâm-Tưởng-Kiến, sinh ra phiền não là từ ba điên đảo sinh ra bốn điên đảo.

9) Dựa theo gốc ngọn của các Kiến phân biệt, đó là 62 kiến đều dựa vào Thân kiến mà sinh ra, bởi vì Thân kiến làm nguồn gốc.

10) Có hai câu, dựa theo lỗi lầm phân biệt, Cái đó là năm Cái, tức là Tham-Sân-Thụy miên-Trạo-Hối và Nghi, che lấp người thực hành không đạt được thiền trí cho nên gọi là Cái. Chương đó là hai chương, tức là phiền não và sở tri, vì vậy sở tri chương cũng có thể gọi là phiền não.

Trong phần sau là kết luận, bởi vì phiền não khó thoát ra cho nên gọi chung là mạng lưới mê hoặc, bởi vì nhận biết rõ ràng về ngọn

nguồn sâu xa của tất cả phiền não là Nhất thiết chủng trí, đều muốn đoạn trừ làm cho vĩnh viễn không còn là Đại Từ Bi.

Trong Dụ mười một là so sánh về công đức cúng dường Phật, có hai: Đầu là nêu ra sự việc so sánh để trình bày về ví dụ vốn không kịp được, sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích hiển bày về vượt lên trên.

Trong phần đầu có mười lớp, một lớp đầu là nói riêng biệt, chín lớp còn lại là nói tổng quát. Trong lớp đầu có bốn: Một là nêu ra rộng rãi, hai là so sánh để hỏi rộng rãi hay không, ba là đáp để hiển bày rất rộng rãi, bốn là so sánh để hiển bày về thù thắng.

Trong phần một: Trước là nêu ra Đông phương, sau là tương tự chín phương còn lại.

Trong phần trước có năm: 1) Một niệm thấy nhiều Phật-nhiều chúng sinh; 2) Tự mình ở thời gian dài phát khởi nhiều sự cúng dường; 3) Khuyến khích chúng sinh cúng dường giống như mình trước đây; 4) Chính mình xây dựng chùa tháp đẹp để cúng dường; 5) Khuyến khích người khác cũng cùng nhau xây dựng chùa tháp cúng dường. Văn còn lại có thể biết.

Ngay trong phần giải thích hiển bày về vượt lên trên, có hai: Trước là nêu ra, sau là giải thích. Ý nêu ra hỏi rằng: Tạm thời như Đông phương trong một niệm đã thấy vô biên chư Phật, bởi vì niệm lực này trải qua vô lượng kiếp cúng dường, trình bày về chư Phật rất nhiều; như Đông phương, chín phương còn lại cũng như vậy, tức là hiển bày về vô cùng nhiều. Như một người đã như vậy lại còn khuyến khích tất cả chúng sinh khác cũng như vậy, huống hồ tăng thêm gấp bội vượt qua trước? Đến lớp thứ mười trình bày về phạm vi giới hạn của công đức này khó biết, dựa vào đâu để so sánh công đức phát tâm này, cho đến không bằng một phần ở trong phần không thể nói được, cho nên nói là nguyên cố thế nào?

Trong phần sau là giải thích: Trước là trình bày không bởi vì phạm vi giới hạn cho nên hiển bày về trước kém hơn ở đây, sau từ “Dục tất...” trở xuống là bởi vì không có phạm vi giới hạn cho nên hiển bày ở đây vượt qua trước.

Trong này, tướng vượt qua tuy là vô lượng, nhưng nói tóm lược thì có sáu loại:

1) Xứ vượt qua, nghĩa là bởi vì mong muốn cúng dường tất cả chư Phật ở vô tận thế giới như hư không pháp giới vô tận khắp mười phương, đây là tất cả nơi chốn như lưới giăng của Đế Thích cho nên không giống

với trước.

2) Thời vượt qua, nghĩa là tất cả chư Phật ba đời, tức là tất cả thời gian trùng trùng vô tận như chín đời-mười đời.

3) Phật vượt qua, nghĩa là tất cả các cảnh giới Phật vốn có chư Phật, đều cúng dường cho nên không phải là chỉ giống như trước.

4) Cúng dường vượt qua, nghĩa là trong tất cả pháp giới có Tự-Tha, Sắc-Tâm, Lý-Sự, Hành... đều dùng để cúng dường, không phải là chỉ giống như trước.

5) Tâm vượt qua, nghĩa là đối với vô tận cảnh Phật trước đây, nơi mỗi một Đức Phật đều dùng sự vật cúng dường vô tận, đều trải qua thời gian vô tận mà tâm cúng dường hãy còn không cạn, cho nên vượt qua.

6) Hành vượt qua, nghĩa là thông hiểu rõ ràng về năng-sở, ba sự bình đẳng viên dung vô ngại, cho nên vượt qua.

Hỏi: Chỉ có thể hoàn toàn so sánh không phải là như nhau, lẽ nào có thể không giống như một phần trong phần không thể nói được hay sao?

Đáp: Công đức phát tâm này tức là giống như pháp giới, vì vậy không có thể phân tích, cho dù một phần trong phần không thể nói được cũng tức là khắp nơi pháp giới, không hỏi gì nhiều ít đều không gì sánh được; như một Hộc thóc gạo của Thường trú Tăng cũng là của tất cả mười phương Tăng, cho đến một Đâu cũng là của tất cả mười phương Tăng, bởi vì chính là không có thể phân ra, suy nghĩ có thể biết.

Trong phần thứ ba là ngay nơi tương hiển bày về sâu xa, có hai: Trước là nêu ra, sau là giải thích.

Trong phần trước, phát tâm này rồi, là nhắc lại tâm đã so sánh ở các ví dụ trước đây, tức là nêu ra chữ Phát Tâm; từ “Đắc tri...” trở xuống là nêu ra phân rõ về công đức rất sâu xa. Trong đó: Một là thâm nhiếp tất cả nhân cho nên sâu xa, hai là giống như quả Phật cho nên sâu xa. Trong này, Phát là xuyên suốt Bồ-đề của thời gian trước sau, Tâm là cùng tận tất cả cảnh Phật.

Trong phần trước: Một là nêu ra cảnh đã nhận biết, đó là nhận biết về công đức trí tuệ của chư Phật ba đời; hai là thành tựu công hạnh sâu xa, đó là Tín hướng là Thập Tín, Thọ trì là Thập Trú, Tu tập là Thập Hạnh-Thập Hội Hưởng, Đắc chứng là Sơ Địa trở lên, Thân chứng là Thập Địa đầy đủ trở về sau. Lại nữa, Nội chứng là Đắc chứng, tướng bên ngoài rõ ràng cho nên nói là Thân chứng, như trong Tiểu thừa lấy Diệt tận định làm Thân chứng, ở đây cũng như vậy. Lại nữa, đầu là Hành chứng, sau là Vị chứng. Lại nữa, đầu là Trí tướng

ưng, sau là Thân tương ứng. Lại nữa, có thể Đắc chứng là dựa theo nhân tròn vẹn, Thân chứng là dựa theo quả đầy đủ. Hai là đều giống như công đức của chư Phật, là giống như quả Phật cho nên sâu xa.

Hai từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích hai phần nêu ra trước đây, trong đó có ba: Đầu là giải thích về nhân như nhau, tiếp là giải thích về quả như nhau, sau là kết luận về phạm vi giới hạn của nhân.

Trong phần đầu: Trước là nêu ra hỏi, nghĩa là vì sao biết Sơ phát tâm đã lập tức có thể chứng được Đại phước trí của chư Phật ba đời? Sau trong phần giải thích có 20 câu hiển bày, nghĩa là cùng âm với con đường đã đi qua của chư Phật ba đời, cho nên nói là như nhau. Trong đó 11 câu đầu là đức giáo hóa bên ngoài, 9 câu sau là đức tự nhiên bên trong. Lại trước là Bi đức, sau là Trí đức.

Trong 11 câu trước: Một câu đầu là tổng quát, đó là giáo hóa chúng sinh làm cho phát tâm Bồ-đề, nối tiếp chúng tử Phật cho nên nói là không đoạn dứt. Mười câu sau hiển bày riêng biệt: 1) Khởi tâm thương xót chúng sinh. 2) Thực hiện ý định cứu độ. 3) Biết về trú xứ đã giáo hóa. 4) Biết về chủng loại khác nhau đã giáo hóa, nghĩa là nghiệp thiện ác sinh khởi quả báo khổ vui cho nên nói là khởi lên cấu tịnh, cũng là trí lực về nghiệp trong mười Lực. 5) Khởi ý rộng lớn cũng là khiến cho lìa xa nghiệp chướng. 6) Biết về hoặc chướng nặng nhẹ của chúng sinh đã giáo hóa, cũng là mong cầu trí lực về Lậu tận, cũng là khiến cho đoạn hết phiền não chướng. 7) Biết về tướng luân chuyển, cũng là trí lực về Thiên nhân, cũng là khiến cho rời bỏ báo chướng. 8) Biết về căn thuần thực-chưa thuần thực, là khởi hạnh làm chỗ dựa, tức là trí lực về các căn. 9) Biết về tâm thành tựu tu đích thực sáng tỏ khởi hạnh, cũng là trí lực về Tha tâm. 10) Tổng quát kết luận về những gì đã nhận biết, cũng là trí lực về Tam đạt.

Trong 9 câu sau là cầu đức Tự lợi của Phật, một câu đầu là tổng quát, tám câu còn lại là riêng biệt. Trong đó: Hai câu đầu là Nhân-Quả phân biệt, một là biết về quả Bồ-đề, hai là biết về nhân Bồ-đề, đó gọi là pháp thanh tịnh. Hai câu tiếp là Lý-Hành phân biệt, một là biết về Lý pháp bình đẳng, hai là biết về Trí hành thanh tịnh. Bốn câu tiếp là Thể-Đức phân biệt, ba câu đầu là Đức của Phật, một là Thập lực, hai là Vô úy, ba là Bất cộng; một câu sau là Thể của Phật, đó vốn là Thật trí bình đẳng.

Trong phần hai là giải thích về quả như nhau: Trước là nêu ra phát khởi, sau là giải thích thành tựu.

Trong giải thích thành tựu: Một câu đầu là tổng quát, hai là riêng

biệt, ba là kết luận.

Trong câu đầu, bởi vì chính là Phật, có người giải thích: Hoặc nói rằng trong nhân nói về quả, hoặc nói rằng hiểu biết giống như cảnh Phật, hoặc nói rằng dựa theo lý bình đẳng. Nếu dựa theo giáo của Tam thừa thì cũng có thể nói như trên, nay tìm theo văn trên dưới, dựa theo Viên giáo của Nhất thừa thì từ đầu đến cuối thâm nhiếp lẫn nhau, viên dung vô ngại, đạt được bắt đầu tức là cuối cùng, cùng tận cuối cùng mới bắt đầu: 1) Bởi vì Đà-la-ni môn duyên khởi thâm nhiếp nhau; 2) Bởi vì tâm Bồ-đề của Phổ Hiền đầy đủ tất cả sáu phần vị, ngay nơi nhân là quả; 3) Bởi vì pháp tánh không có bắt đầu và cuối cùng, cho nên phát tâm tiến vào bắt đầu thì chính là cuối cùng. Vì vậy văn trên nói: Lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác, thân đầy đủ Tuệ, không từ nơi khác mà tỏ ngộ, là nói đến nghĩa này.

Trong phần hai là riêng biệt, có 15 câu: Năm câu đầu dựa theo đức bên trong đầy đủ như Phật, mười câu sau dựa theo dụng giáo hóa bên ngoài rộng khắp mọi nơi như Phật.

Trong năm câu đầu là Nội đức, một câu là tổng quát, bốn câu là riêng biệt. Trong riêng biệt: Hai câu đầu là pháp Sở y như nhau, một là cảnh Tục đế, hai là cảnh Chân đế; hai câu sau là đức Năng y như nhau, một là thân-hai là trí.

Trong mười câu sau là Ngoại dụng, một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt: Ba câu đầu là giáo hóa khiến cho thoát khỏi khổ, một là tác động làm cho sinh khởi niềm tin, hai là chiếu rọi làm cho kinh sợ thức tỉnh, ba là chính thức làm cho thoát khổ. Năm câu tiếp là giáo hóa làm cho tiến vào pháp, một là trang nghiêm nơi chốn giáo hóa, hai là hiện tướng thành Phật, ba là hiện bày thần thông làm cho vui mừng, bốn là chính thức làm cho tiến vào pháp, năm là tiến vào pháp rồi bảo vệ làm cho không sai lạc. Một câu sau cuối là kết luận về trí giáo hóa bên ngoài.

Lại giải thích, trong 15 câu này, một câu đầu là tổng quát, 14 câu là riêng biệt. Trong riêng biệt: Năm câu đầu là Trí chánh giác thế gian tự tại..., trong đó hai câu đầu dựa vào pháp như nhau, câu một là sở duyên và phạm vi giới hạn như nhau, câu hai là lý giáo như nhau, ba câu sau là ba nghiệp như nhau, đó là đã giáo hóa dựa theo ngữ nghiệp phân rõ. Bốn câu tiếp là Khí thế gian tự tại..., trong đó một là rung động, hai là soi chiếu, ba là loại trừ, bốn là trang nghiêm. Năm câu sau cuối là Chúng sinh thế gian tự tại..., một là thị hiện, hai là làm cho vui mừng, ba là trao cho pháp, bốn là bảo vệ giữ gìn, năm là đạt được quả. Bởi vì

nếu không bảo vệ thì sợ rằng rơi vào địa vị của Nhị thừa.

Trong phần ba là kết luận về phạm vi giới hạn của nhân, trong ba đời không lìa xa các pháp nhiệm tịnh như Tam Bảo-chúng sinh..., ở đây có hai nghĩa: Một là do Bồ-tát đạt được thân nối thông của ba đời, cho nên luôn luôn khắp nơi ba thời gian, không thời gian nào không tồn tại. Hai là do Bồ-tát đạt được thân ngay nơi pháp giới, về không gian thì hàm chứa nhiệm tịnh, về thời gian thì có khắp ba đời, cho nên nói là không lìa xa. Văn còn lại có thể biết.

Thứ hai là trong phần hiển thật chứng thành, có hai: Một-Trong hiển thật, một là mặt đất rung động, hai là mưa hoa cúng dường, ba là âm thanh chấn động, bốn là phát ra ánh sáng. Hai-Trong chứng thành, có hai: Trước là thị hiện về Thân chứng, sau là nêu ra lợi ích của Chứng. Trong phần trước, vì sao Phật tự chứng, là bởi vì Sơ phát tâm liền thấu nhiếp nhân quả của Phật, sự việc này khó tin cho nên Phật tự chứng. Lại bởi vì biểu thị cho tánh giống nhau của nhân quả. Lại bởi vì biểu thị cho nhân quả Thắng tiến thấu nhiếp thành tựu. Trong phần sau là nêu ra lợi ích, nêu rõ những điều mà Pháp Tuệ thuyết giảng trong tất cả thế giới kia, đã có lợi ích này thì nhận biết rõ ràng pháp này quyết định không hư vọng, cũng bởi vì thuyết giảng về pháp này khó tin nhận, cho nên dẫn đến Chứng này, bởi vì tâm này thấu nhiếp chứa đựng công đức tròn vẹn thanh tịnh, cho nên gọi là Tịnh Tâm Như Lai.

Trên đây là phần Thuyết giảng trong một thế giới này, xong.

Thứ hai là trong phần kết luận nối thông, có hai: Trước là hiển bày về pháp rộng khắp vô tận thế giới, sau là có mười câu giải thích về nguyên cớ rộng khắp, nghĩa là vì sao pháp này rộng khắp mười phương, mà nơi thuyết giảng-người thuyết giảng-pháp thuyết giảng và Chứng thấy đều giống nhau như vậy? Giải thích là bởi vì mười câu như Phật lực...: 1) Phật Lô-xá-na này và tất cả chư Phật, đều dùng lực của uy thần hiện tại cùng nhau gia trì cho nên khiến như vậy; 2) Do bốn nguyện của chư Phật đã thấu nhiếp hộ trì; 3) Bởi vì muốn biểu hiện rõ ràng về pháp mà chư Phật đã đạt được, lý thường xuyên như vậy khắp nơi mười phương; 4) Trình bày về ánh sáng trí tuệ của Phật khiến cho soi chiếu khắp nơi; 5) Muốn làm cho hiểu rõ ràng về chân lý rộng khắp mọi nơi; 6) Tương duyên khởi của pháp giới bởi vì pháp vốn như vậy cho nên phải thuyết giảng khắp nơi; 7) Bởi vì người vui mừng đối với Đại pháp thì nêu rõ pháp rộng lớn xứng tánh này khiến cho hoan hỷ; 8) Bởi vì muốn ca ngợi đầy đủ về công đức của Phật rộng khắp mọi nơi; 9) Biểu hiện rõ ràng về pháp mà tất cả chư Phật trong mười phương đã đạt

được như nhau, pháp ấy vốn là bình đẳng không có gì khác nhau; 10) Bởi vì làm cho hiểu biết mười phương pháp giới không có hai đường. Bởi vì mười nghĩa này cho nên thuyết giảng rộng khắp mọi nơi, sở dĩ nói là mười cũng là phương thức phép tắc hiển bày về vô tận mà thôi. Nghĩa của các văn trên dưới kết luận nối thông, đều dựa theo đây có thể biết.

Trên đây là phần trường hàng nói phân tán về tất cả các nơi, bao gồm vô tận thế giới thuộc cõi này-phương khác, xong.

Trong đoạn lớn thứ hai là kệ tụng tổng quát thâm nhiếp, có hai: Trước là tựa về ý thuyết giảng, sau là chính thức tụng lại. Trong phần trước có mười câu:

- 1) Bởi vì vô tận thế giới khắp mười phương cùng thuyết giảng về pháp này, do đó cần phải quán sát.
- 2) Bởi vì muốn để cho tất cả hải chúng trong mười phương đều nghe giống nhau.
- 3) Bởi vì hiển bày tự tâm như hư không, vốn không có gì thiên lệch hạn hẹp.
- 4) Vốn là pháp môn quán sát thành tựu chúng sinh.
- 5) Quán sát phù hợp với pháp tánh tuy thanh tịnh như hư không mà nhân quả vốn không mất.
- 6) Muốn khiến cho lìa xa phiền não.
- 7) Đạt được giải thoát của Nhất thừa.
- 8) Thông hiểu rõ ràng về căn hải.
- 9) Hội tụ duyên tiến vào thật.
- 10) Hiện rõ công đức phát tâm tự nhiên vô tận để cho Đại chúng thấy rồi mà tu học.

Ngay trong phần chính thức tụng, toàn bộ có 241 tụng rưỡi phân bốn: Một có 163 tụng rưỡi, tụng ngược lại văn của đoạn thứ ba ngay nơi tướng trước đây; hai có 29 tụng, tụng về văn so sánh của Dự thứ hai trước đây; ba có 39 tụng, tụng về văn đầu tiên sơ lược hiển bày về thâm thâm trước đây; bốn có 10 tụng về tổng quát ca ngợi hiển bày thù thắng.

Ngay trong văn phần một, phân dài có 27 đoạn:

- 1) Sáu tụng, tụng về văn mong muốn làm cho tâm Từ Bi đầy khắp mười phương thế giới... trước đây.
- 2) Từ “Dục tất phân biệt tri...” trở xuống là bảy tụng, tụng về văn mong muốn biết rõ tất cả thế giới rộng hẹp ngay trong nhau-hòa vào nhau... trước đây, trong này đều hiển bày về tác dụng làm lợi ích cho

chúng sinh...

3) Từ “Dục linh chư Phật chủng...” trở xuống là ba tụng, tụng về văn bởi vì mong muốn không đoạn mất Phật chủng... trước đây.

4) Từ “Tín tâm bất khả tử...” trở xuống là hai tụng, tụng về văn đều đạt được ánh sáng rực rỡ của trí tuệ chư Phật trước đây.

5) Từ “Tất năng phân biệt tri...” trở xuống là hai tụng, tụng về văn mong muốn biết các loại nghiệp-các loại tâm-các loại căn tánh... của chúng sinh trước đây.

6) Từ “Bồ-đề tâm vô lượng...” trở xuống là sáu tụng, tụng về văn mong muốn đạt được trí tuệ bình đẳng của chư Phật ba đời như pháp giới trước đây.

7) Từ “Thanh tịnh vô lượng tâm...” trở xuống là hai tụng, tụng về văn cúng dường tất cả chư Phật trước đây.

8) Từ “Ưu chư thậm thâm pháp...” trở xuống là tám tụng, tụng về văn nhân duyên đạt được trí tuệ của Phật trước đây, nghĩa là nhân của trí tuệ tức là Tam-muội rất sâu xa, và từ cảnh Chân như mà sinh ra. Bởi vì trong này đều hiển bày về tác dụng của thông tuệ.

9) Từ “Cụ túc Đại Bi tâm...” trở xuống là chín tụng, tụng về văn độ thoát tất cả chúng sinh... trước đây.

10) Từ “Thế giới nhược thành hoại...” trở xuống là ba tụng, tụng về văn biết thế giới thành hoại... trước đây, nghĩa là thành hoại này chỉ có cảnh thuộc trí Phật, nay tin Phật không nghi ngờ gì cho nên cũng nhận biết rõ ràng.

11) Từ “Tận ư vị lai tế...” trở xuống là năm tụng rưỡi, tụng về văn chấm dứt các khổ đau ở nẻo ác của chúng sinh trong tất cả thế giới trước đây.

12) Từ “Bồ-tát phóng đại quang...” trở xuống là bảy tụng, tụng về văn đều có thể soi chiếu khắp tất cả các thế giới trước đây, trong này bao gồm phân rõ thưa hỏi Đức Phật thuyết pháp trong quốc độ đã soi chiếu.

13) Từ “Minh tịnh lợi trí tuệ...” trở xuống là bốn tụng, tụng về văn cùng với Chánh pháp của chư Phật ba đời... trước đây.

14) Từ “Thanh tịnh diệu pháp thân...” trở xuống là mười một tụng, tụng về văn đều ở tại tất cả thế giới thị hiện thành Phật... trước đây.

15) Từ “Nhất thân tất sung mãn...” trở xuống là tám tụng, tụng về văn đạt được trí tuệ bình đẳng của Phật... trước đây.

16) Từ “Nhất thiết chư thế giới...” trở xuống là tám tụng, tụng về văn đạt được một thân-vô lượng thân... của Như Lai trước đây.

17) Từ “Kỳ tâm vô sở nhiễm...” trở xuống là mười tụng, tụng về văn cũng cùng cảnh giới chư Phật ba đời... trước đây. Đây là phạm vi giới hạn của cảnh giới, có mười loại như nhau: Một là lia nhiễm như nhau, hai là cứu giúp chúng sinh như nhau, ba là trí tuệ như nhau, bốn là tướng tốt như nhau, năm là sự nhận biết như nhau, sáu là chứng lý như nhau, bảy là định sâu xa như nhau, tám là hành vững chắc như nhau, chín là tâm an như nhau, mười là sung mãn như nhau.

18) Từ “Dục cầu Đạo sư tuệ...” trở xuống là hai tụng nêu ra đức khuyến khích tu tập.

19) Từ “Bồ-tát Ma-ha-tát...” trở xuống là bốn tụng hiển bày về phạm vi giới hạn của thuyết giảng.

Hai đoạn trên không tụng về văn trước đây.

20) Từ “Thiện phân biệt chúng sinh...” trở xuống là sáu tụng, tụng về đạt được ánh sáng trí tuệ rực rỡ của chư Phật ba đời, nghĩa là soi chiếu cảnh Tục thường thuộc về Chân.

21) Từ “Vô lượng bất khả số...” trở xuống là bốn tụng, tụng về văn đều có thể trang nghiêm thanh tịnh tất cả thế giới trước đây.

22) Từ “Tuệ nhãn vô chướng ngại...” trở xuống là tám tụng, tụng về văn cùng với chúng sinh mà chư Phật đã giáo hóa thấy đều giống nhau... trước đây.

23) Từ “Tất năng thiện phân biệt...” trở xuống là bốn tụng, tụng về văn nhận biết về kiếp dài-ngắn ngay trong nhau-hòa vào nhau... trước đây.

24) Từ “Thành tựu trí tuệ lực...” trở xuống là mười hai tụng, tất cả tụng về văn Sơ tâm đã đạt được trí về mười lực của Phật trước đây.

25) Từ “Nhất nhất mao khổng trung...” trở xuống là chín tụng, tụng về văn đều có thể chấn động vô lượng thế giới trước đây, nghĩa là hòa vào lưới giảng của Đế Thích...

26) Từ “Như thị thâm pháp môn...” trở xuống là bảy tụng, tụng về văn đều mong muốn trưởng dưỡng trí tuệ của chư Phật trước đây.

27) Từ “Bồ-tát Ma-ha-tát...” trở xuống là sáu tụng, tụng về văn Bồ-tát không lia xa chư Phật, Bồ-tát và Nhị thừa chúng sinh... trước đây.

Từ đầu đến đây toàn bộ là tụng ngược lại đoạn thứ ba, văn phân rõ ngay nơi Tướng.

Từ đây về sau là phần hai có 29 tụng, tụng về văn thứ hai dựa vào Dụ để so sánh, trong đó:

1) Sáu tụng đầu, tụng về Dụ thứ nhất là lợi ích chúng sinh.

2) Từ “Vô lượng vô hữu biên...” trở xuống là hai tụng, tụng về Dụ thứ hai là bước chân và quốc độ trước đây.

3) Từ “Khứ-lai-hiện tại kiếp...” trở xuống là bốn tụng, tụng về Dụ thứ ba là tính số kiếp trước đây.

4) Từ “Thập phương thế giới trung...” trở xuống là sáu kệ, tụng về năm Dụ như dục... trước đây, một là dục, hai là hy vọng, ba là căn, bốn là phương tiện, năm là tâm, pháp hợp có thể biết.

5) Từ “Nhất thiết chúng sinh loại...” trở xuống là bốn tụng, tụng về hai Dụ thứ chín-thứ mười là nhận biết nghiệp-phiền não trước đây.

6) Từ “Thập phương chư thế giới...” trở xuống là bảy tụng, tụng về Dụ thứ mười một là công đức cúng dường chư Phật thứ trước đây.

Trên đây đoạn lớn thứ hai về Dụ so sánh, xong.

Thứ ba từ “Tam thế nhân trung tôn...” trở xuống có 39 tụng, tụng về văn thứ nhất là nêu ra ca ngợi hiển bày sâu xa trước đây, trong đó phân làm bảy:

1) Có bảy tụng, tụng về văn của câu tổng quát rất sâu xa đầu tiên trước đây, đó là sâu xa bởi vì thấu suốt quả Phật, sâu xa bởi vì vượt lên trên quả báo của chúng sinh, sâu xa bởi vì giống như pháp tánh, sâu xa bởi vì tác dụng rộng khắp mọi nơi, sâu xa bởi vì trí nhận biết xa vời, đều như văn có thể biết.

2) Từ “Thường tu diệu công đức...” trở xuống là bảy tụng, tụng về phần thứ hai rất sâu xa khó biết trước đây, trong đó bốn tụng đầu là tự nhiên sâu rộng khó biết, hai tụng tiếp là Phật dùng đức sâu xa gia trì khó biết, một tụng sau cuối là kết luận về đức khó biết, nghĩa là đức như hư không, không phải là tính toán mà có thể biết được, cho nên gọi là khó biết.

3) Từ “Sơ phát tâm Bồ-đề...” trở xuống là năm tụng, tụng về rất sâu xa khó tin trước đây, nghĩa là bởi vì mới phát tâm liền thành tựu công đức vô biên của quả Phật, cho nên điều này khó tin nhận.

4) Từ “Nhất thiết Bích-chi Phật...” trở xuống là tám tụng, tụng về rất sâu xa khó hiểu trước đây, nghĩa là khiến cho Nhị thừa có được an lạc trong ba cõi, chính là ở trong sơ phát tâm của Bồ-tát, sự việc này khó hiểu, vì thế trong văn: Bốn tụng đầu nêu ra hai phần vị đạt được niềm vui, mỗi phần vị có hai tụng; bốn tụng sau giải thích về nguyên cớ đạt được niềm vui của hai phần vị ấy, cũng đều có hai tụng có thể biết.

5) Từ “Vô lượng trí tuệ minh...” trở xuống là năm tụng, tụng về rất sâu xa khó nói trước đây, nghĩa là trí sâu xa-đức rộng lớn, nghiệp dụng rất nhiều, bàn nói giảng giải khó đến được, cho nên nói là ca ngợi

không thể hết được.

6) Từ “Phổ quán nhất thiết pháp...” trở xuống là bốn tụng, tụng về rất sâu xa khó thông suốt trước đây, nghĩa là tâm trí trong bình đẳng vì chúng thuyết pháp, bởi vì hai phần vị trái ngược nhau làm cho hết sức thuận theo nhau, cho nên rất khó lĩnh hội thông suốt.

7) Từ “Vô lượng diệu công đức...” trở xuống là ba tụng, tụng về rất sâu xa khó phân biệt trước đây, nghĩa là Sơ tâm này giống như phạm vi giới hạn của phần vị Phật, cho nên khó phân biệt.

Đoạn lớn thứ tư từ “Dục đắc nhất thiết Phật...” trở xuống có mười tụng về kết luận ca ngợi khuyến khích tu tập, hai tụng đầu là nêu ra đức để khuyến khích tu tập, hai tụng tiếp là hiển bày về đức sâu rộng, bốn tụng tiếp là hiển bày về công năng thù thắng của đức dụng, hai tụng sau cuối là khuyến khích học hỏi đến cuối cùng.
